

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại

2/ Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Song – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 748/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Mỹ X**, sinh năm: 1994.

Địa chỉ: ấp VL, xã HC, huyện UMT, tỉnh KG.

- Bị đơn: **Nguyễn Duy T**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: ấp TTB, xã HG, huyện TC, tỉnh TV.

Tạm trú: ấp TL2, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh TG.

(Chị X và anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Nguyễn Duy T tự nguyện tìm hiểu và chung sống vào năm 2019, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ

chồng chung hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tình cảm phai nhạt. Chị X và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị X yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 15/11/2019, hiện cháu đang sống cùng chị X. Khi ly hôn chị X yêu cầu được nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

** Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T thống nhất theo lời trình bày của chị X về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị X.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 15/11/2019, hiện cháu đang sống cùng chị X. Khi ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định; bị đơn không thực hiện đúng theo quy định. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ X và anh Nguyễn Duy T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 15/11/2019 cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ X, bị đơn anh Nguyễn Duy T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Chị Lê Thị Mỹ X yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Duy T. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị X, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị X và anh T xác lập hôn nhân vào năm 2019 là tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Chị X và anh T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, do vậy căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ X và anh Nguyễn Duy T.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh M có 01 con chung tên Nguyễn Duy P, sinh ngày 15/11/2019. Xét thấy, cháu P hiện đang sống cùng chị X, được chị X chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Do đó, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu, tránh làm xáo trộn môi trường sống và học tập của cháu, Hội đồng xét xử cần giao cháu P cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8, 9, 14, 15 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Thị Mỹ X và anh Nguyễn Duy T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Duy P, sinh ngày 15/11/2019 cho chị Lê Thị Mỹ X tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Duy T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

2/ Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ X phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012265 ngày 13/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh